CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Xây dựng và Giao thông Bình Dương

Ngày 30/09/2025	11,150 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.8%	**12.7%**	**7.7%**

DT thuần
Q3/25
190
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 72.0| 61.0%
YoY: ▲ 180| 1726%

LN thuần
Q3/25
0.34
tỷ VNĐ
QoQ: ▼6.26| -94.8%
YoY: ▲ 9.44| 104%

LN sau thuế
Q3/25
3.09
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.48| -44.6%
YoY: ▲ 12.8| 132%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
2.2%
YoY: +/-▼ 3.8%

ROE (TTM)
Q3/25
23.4%
YoY: +/-▲ 3.8%

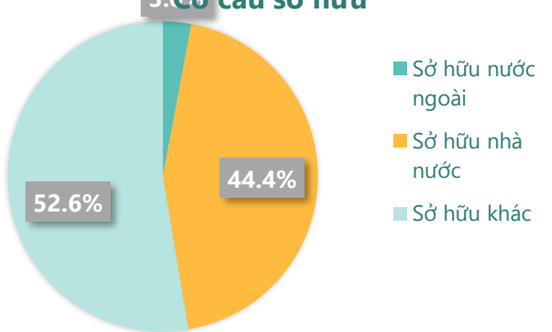
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	5,560 - 12,150
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	390
Số lượng CPLH (CP)	35,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	93,640
Sở hữu nước ngoài	3.0%
Beta	0.21
EPS	2,332
P/E	4.8

DT thuần
9T 2025
317
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 280| 746%

LN thuần
9T 2025
-0.73
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 25.7| 97.2%

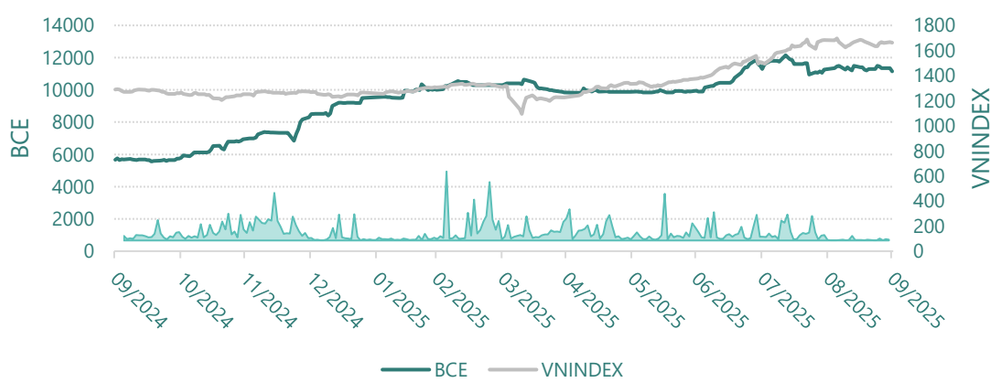
LN sau thuế
9T 2025
3.55
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 29.8| 114%

Cơ cấu sở hữu

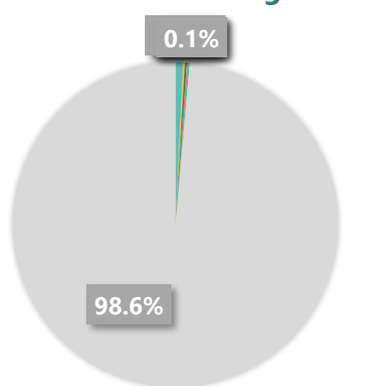


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

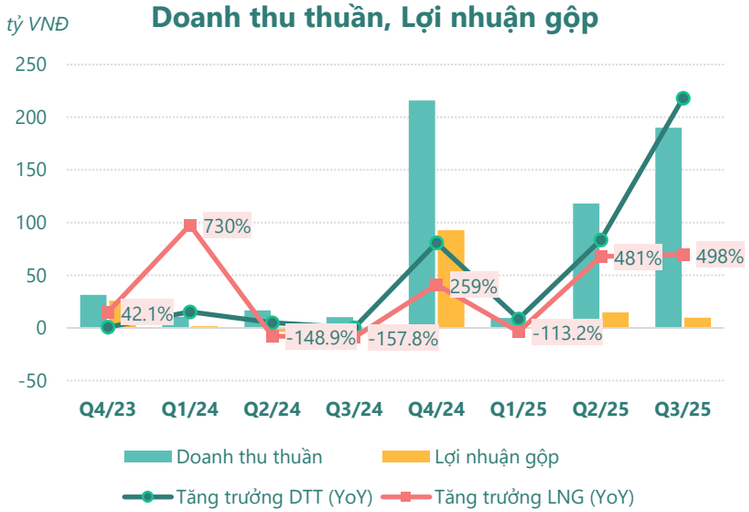


- Nguyễn Tấn Lợi
- Nguyễn Thị Thanh Tâm
- Nguyễn Kim Tiên (Tổng giám đốc)
- Hồ Minh Diễm Thúy
- Nguyễn Thị Bửu
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

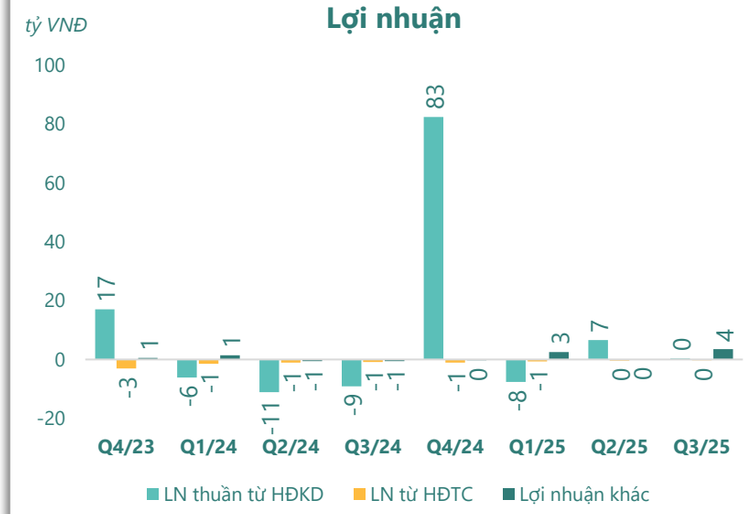
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



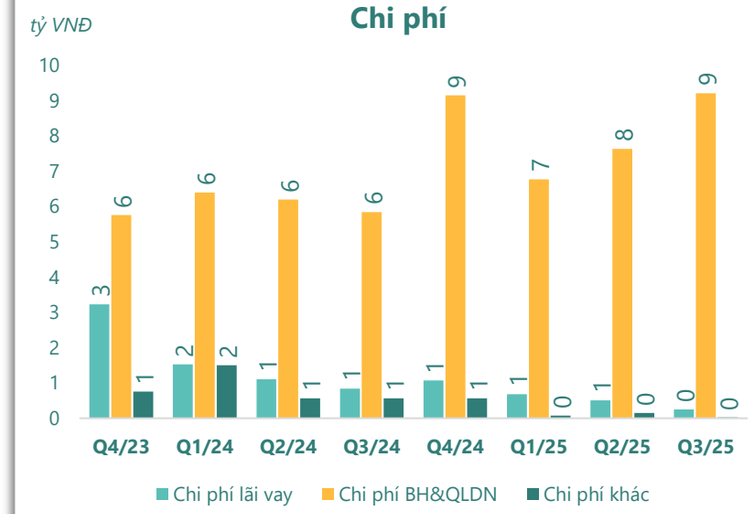
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



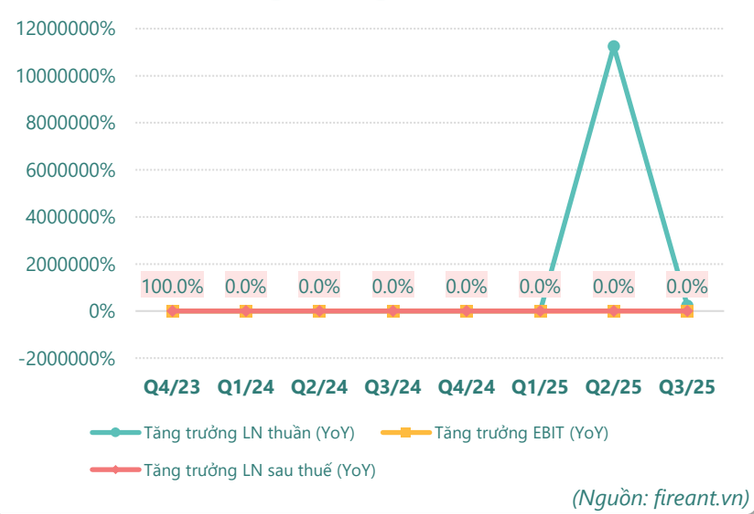
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



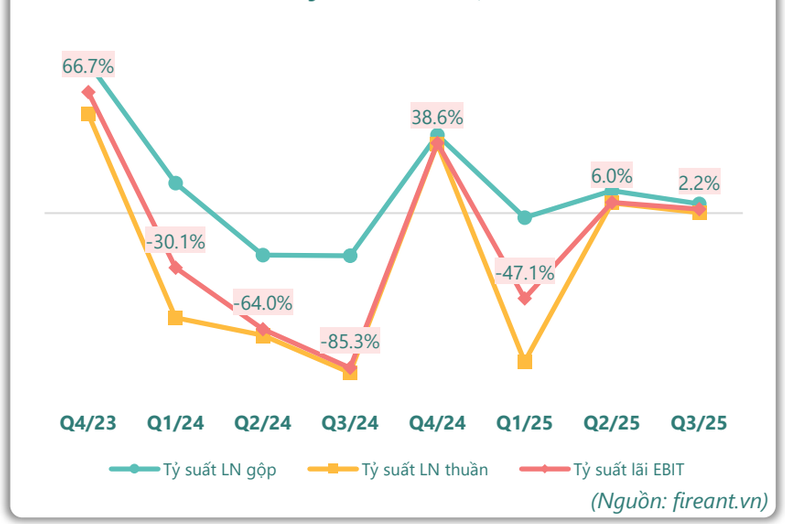
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



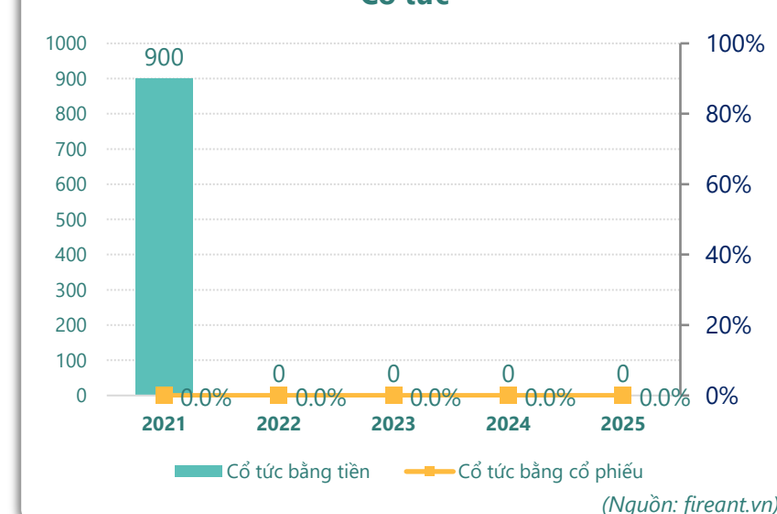
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

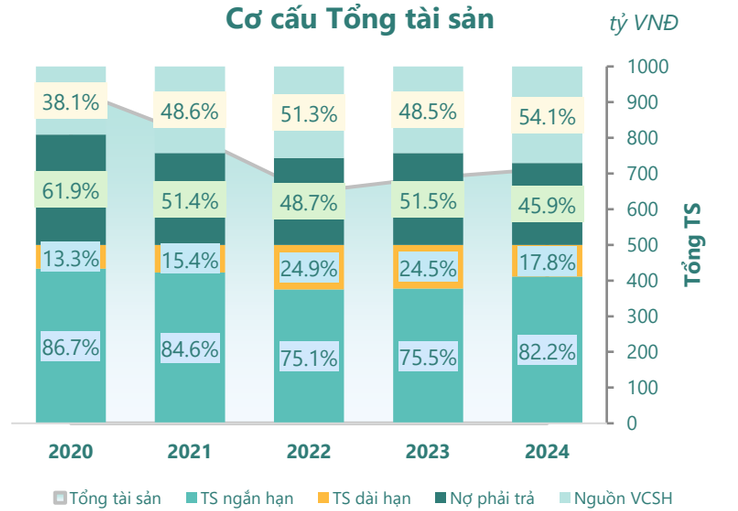
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

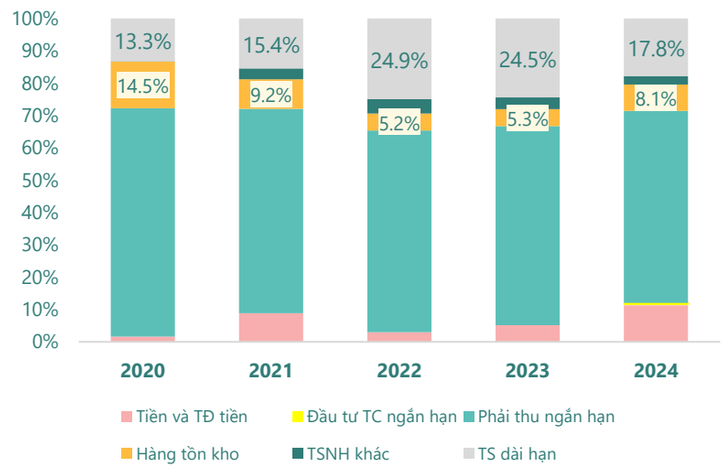
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



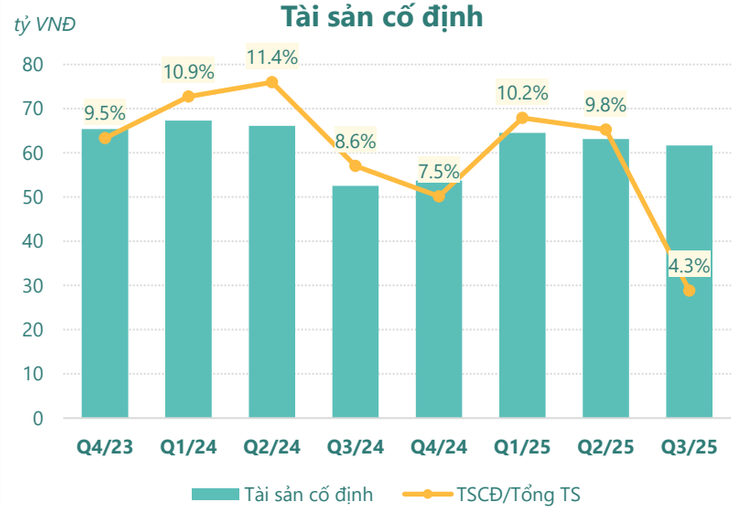
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



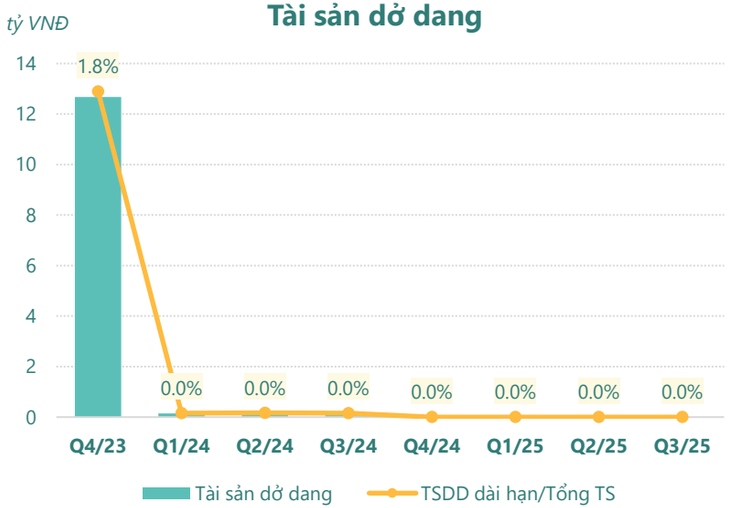
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



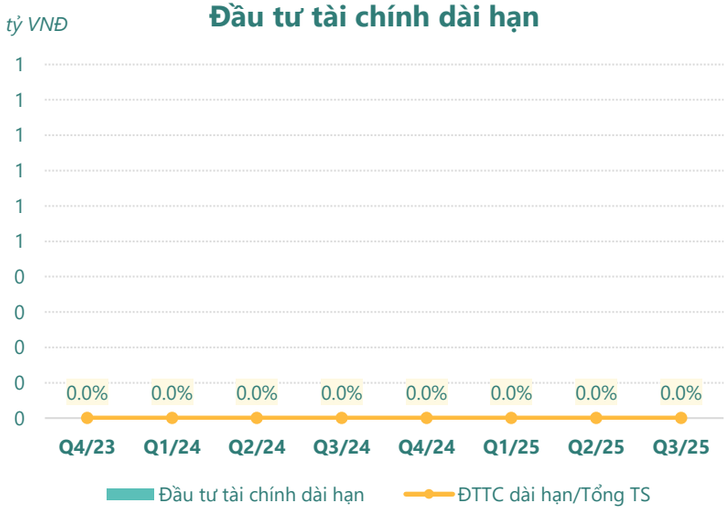
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



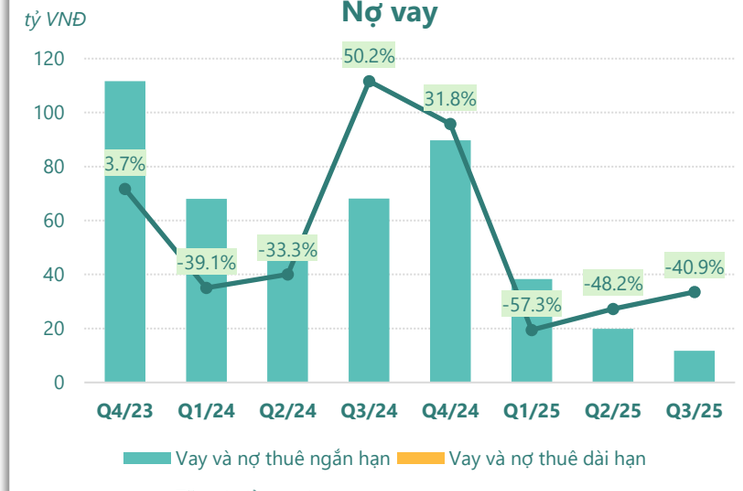
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

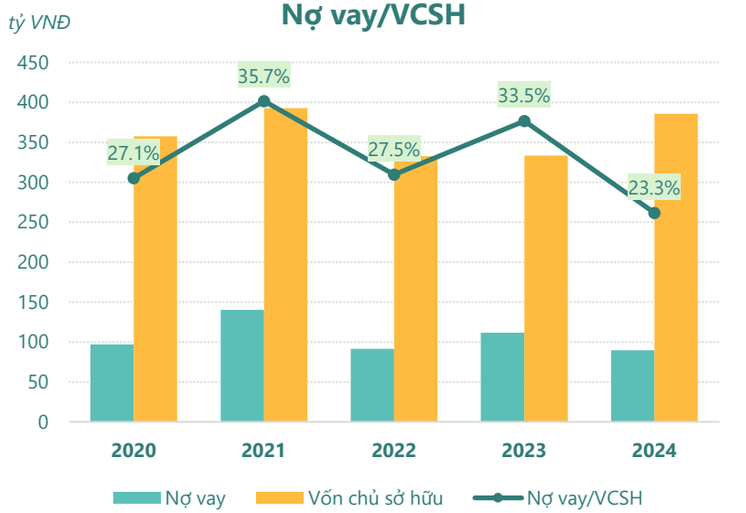
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

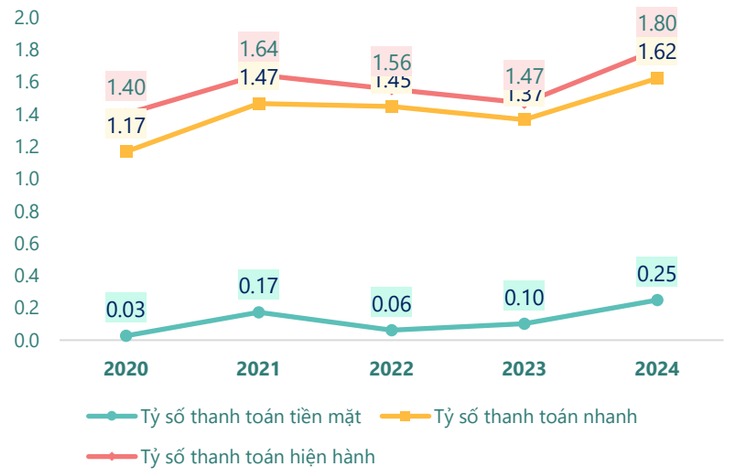
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



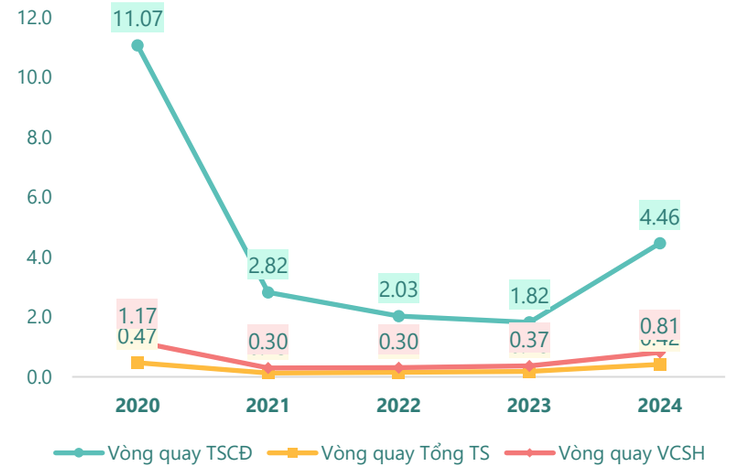
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



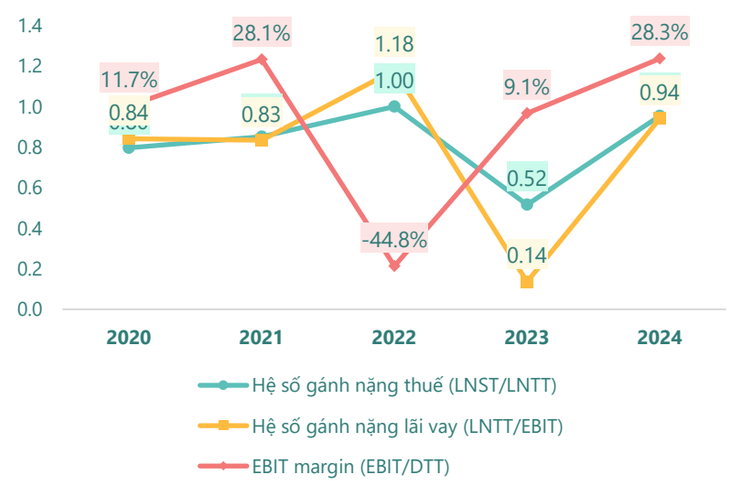
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



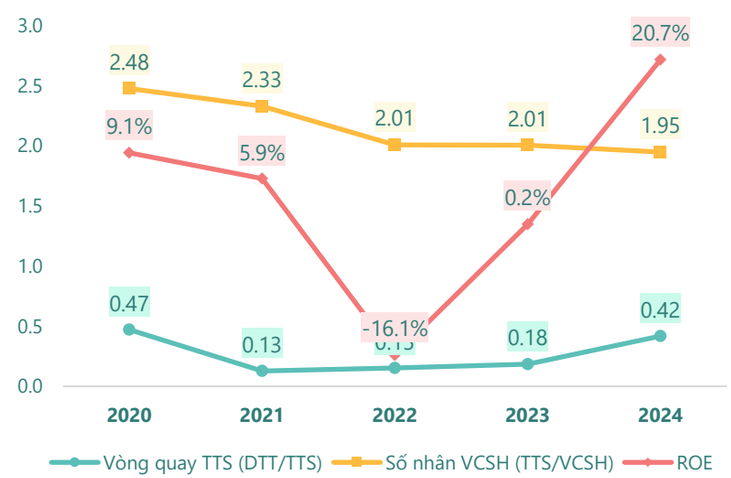
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



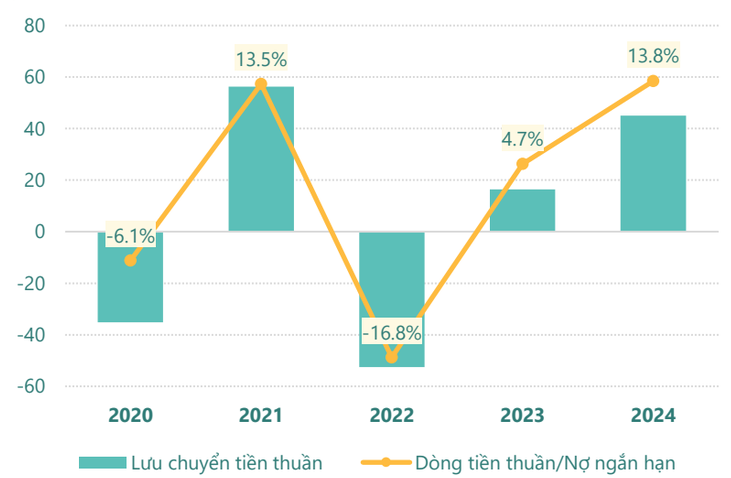
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**190**	**10.4**	**1726%**	**317**	**37.5**	**746%**
Giá vốn hàng bán	180	12.8	1308%	293	42.0	598%
Lợi nhuận gộp	9.69	-2.43	499%	24.1	-4.52	633%
Doanh thu HĐTC	0.03	0.02	26.2%	0.15	0.10	46.2%
Chi phí TC	0.25	0.84	-69.7%	1.44	3.48	-58.5%
Chi phí lãi vay	0.25	0.84	-69.7%	1.44	3.48	-58.5%
LN trong công ty LKLD	**0.10**	**0.00**		**0.10**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.32	0.18	79.4%	0.76	0.71	8.1%
Chi phí QLDN	**8.89**	**5.67**	**56.9%**	**22.9**	**17.7**	**28.9%**
LN thuần từ HĐKD	0.34	-9.10	104%	-0.73	-26.4	97.2%
Lợi nhuận khác	**3.52**	**-0.56**	**728%**	**6.02**	**0.26**	**2205%**
LN trước thuế	3.86	-9.67	140%	5.29	-26.1	120%
Lợi nhuận sau thuế	**3.09**	**-9.67**	**132%**	**3.55**	**-26.2**	**114%**
LNST của CĐ cty mẹ	**3.09**	**-9.67**	**132%**	**3.55**	**-26.2**	**114%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	33.3	-14.7	38.1	-10.8	44.7	-38.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-6.79	6.66	-2.38	0.02	0.13	4.95
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-22.7	22.8	21.7	-51.4	-18.6	-7.94
Tiền đầu kỳ	9.95	13.8	28.5	80.8	18.7	44.9
Lưu chuyển tiền thuần	**3.82**	**14.7**	**57.4**	**-62.2**	**26.2**	**-41.4**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	13.8	28.5	85.8	18.7	44.9	3.51

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,426**	**713**	**99.9%**
Tài sản ngắn hạn	1,019	586	73.9%
Tiền và tương đương tiền	3.51	80.8	-95.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	5.00	-100%
Phải thu ngắn hạn	283	424	-33.3%
Hàng tồn kho	658	57.8	1040%
Tài sản ngắn hạn khác	74.5	18.6	300%
Tài sản dài hạn	**406**	**127**	**220%**
Phải thu dài hạn	332	48.5	585%
Tài sản cố định	61.7	65.9	-6.4%
Bất động sản đầu tư	9.51	9.51	0.0%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**3.20**	**3.28**	**-2.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,038	327	217%
Nợ ngắn hạn	**1,036**	**326**	**218%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	11.7	89.7	-86.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	913	122	650%
Nợ dài hạn	2.28	1.78	28.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**388**	**386**	**0.5%**
Vốn chủ sở hữu	**388**	**386**	**0.5%**
Vốn điều lệ	350	350	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)